TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
ngày 31/5/2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Trần Đình Vỹ

2. bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: ông Phan Vũ Hoàng - Thư ký TAND huyện Thạch An;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa: bà Triệu Thị Biển – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 16/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lương Văn D - sinh năm 1990
Trú tại: xóm L xã M huyện P tỉnh Cao Bằng

2. Bị đơn: chị Đinh Thị P - sinh năm 1990
Trú tại: xóm B xã Đ huyện T tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018, trong quá trình giải quyết, xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Lương Văn D trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi với chị Đinh Thị P là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Long ngày 14/02/2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống chung một nhà ở Đức Long (nhà mẹ vợ). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn cãi cọ nhau, vợ hay ghen, tôi đi làm xa thì vợ nghi ngờ tôi ngoại tình. Thực tế là tôi không có tình cảm với ai khác. Tôi đã sống ly thân từ 2014 đến nay, hiện đang ở nhà với bố mẹ đẻ ở xóm L xã M huyện P tỉnh Cao Bằng. Tôi xác định

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với chị Phương.

[1.2] Về con chung: Tôi với chị Đinh Thị P có 02 con chung tên là: Đinh Lương T sinh ngày 21/7/2010 và Lương Đinh M sinh ngày 12/12/2012. Hiện nay hai con đang ở với chị Đinh Thị P. Sau khi ly hôn thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lương Đinh M, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung, riêng của vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn là chị Đinh Thị P trình bày: Về điều kiện kết hôn và con chung đúng như anh D trình bày. Nhưng lý do ly hôn anh D nêu ra là không đúng. Trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc to tiếng với nhau, Anh D tự ý bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình, bỏ lại hai con cho tôi tự nuôi. Tôi biết hiện nay anh D đang yêu một người phụ nữ khác. Tôi xác định tình cảm vợ chồng chưa mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tôi vẫn yêu thương và quý trọng anh D, tôi mong anh D quay về đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, của những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội để xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn D và chị Đinh Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Đức Long, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đã có với nhau hai con chung tên là Đinh Lương T sinh ngày 21/7/2010 và Lương Đinh M sinh ngày 12/12/2012. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng đôi lúc có những bất đồng, va chạm nhỏ xuất phát từ lỗi của hai bên, nhưng anh D với tư cách là chồng đã không có biện pháp hài hòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn bỏ nhà ra đi để một mình chị P tự nuôi con, điều đó thể hiện anh D không có trách nhiệm gì đối với chị P và các con.

Chị P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị anh D quay về đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với lý do là gia đình mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy hai vợ chồng anh D và chị P không có hành vi ngược đãi, hành hạ, bạo lực gia đình, hôn nhân chưa lâm vào tình trạng

trầm trọng, tình cảm vợ chồng còn có thể khắc phục và quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu đoàn tụ của chị P là có căn cứ, còn yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Văn D là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Văn D đối với chị Đinh Thị P.

[2] Về án phí: Anh Lương Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0000543 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng. Xác nhận anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các bên đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *CCTHADS huyện;*
- *UBND xã Mỹ Hưng; Đức Long;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Thanh Điệp